TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN,** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31 – 3- 2025
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Sức

2. Bà Huỳnh Thị Thể Phượng

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Hoàng Nam - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa***: Ông Lê Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 638/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024, về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: anh Bùi Văn P, sinh năm 1984 (đề nghị vắng mặt)

2. Bị đơn: chị Phan Thị L, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: tổ A, ấp M, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 12/11/2024 bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Bùi Thanh P trình bày:

Anh và chị Phan Thị L tự tìm hiểu nhau về tình cảm và kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 25/7/2019. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi kéo dài, anh đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên anh bỏ đi nơi khác làm ăn và sinh sống, anh và chị L chính thức ly thân từ đó cho đến nay. Hiện tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với chị Phan Thị L.

Về con chung: anh và chị L có 04 con chung tên Bùi Thị Cẩm V, sinh ngày 06/7/2005, đã trưởng thành tự lập được, không yêu cầu Toà án giải quyết; Đối với Bùi Cẩm N, sinh ngày 13/11/2008, Bùi Thị Lan A sinh ngày 19/12/2014 và Bùi Gia P2 sinh ngày 12/8/2022, hiện đang sống với chị L nên đồng ý giao các con cho chị L được tiếp tục nuôi con chung, anh không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có ý kiến nào khác.

- Bị đơn chị Phan Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không có lời trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Hôn nhân của anh P và chị L được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nay anh P yêu cầu ly hôn với chị L và yêu cầu nuôi con chung là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: anh P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị L nên xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phan Thị L là bị đơn có nơi cư trú tại ấp M, xã T, huyện P, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Anh P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; chị L đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan; nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: anh P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị L. Xét chứng cứ có trong hồ sơ cùng kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa thể hiện, hôn nhân của anh chị được xác lập năm 2019 trên cơ sở tự tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân từ 2020 đến nay, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng trong thời gian sau khi ly thân mà anh, chị mỗi người sinh sống mỗi nơi, không ai quan tâm ai, từ đó tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, anh P yêu cầu ly hôn là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về nuôi con chung: anh P và chị L có 04 con chung tên Bùi Thị Cẩm V, sinh ngày 06/7/2005, đã trưởng thành tự lập được, không yêu cầu Toà án giải quyết; Đối với Bùi Cẩm N, sinh ngày 13/11/2008, Bùi Thị Lan A sinh ngày 19/12/2014 và Bùi Gia P2 sinh ngày 12/8/2022, hiện đang sống với chị L nên đồng ý giao các con cho chị L được tiếp tục nuôi con chung, anh P không cấp dưỡng cho con.

Xét, từ khi ly thân đến nay các con do chị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, đảm bảo phát triển bình thường về thể chất, tinh thần; nên căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần giao con chung cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con đến thành niên hoặc tự lập được, anh P không cấp dưỡng cho con. Chị L phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi anh P đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Mặt khác, nếu có căn cứ cho rằng, chị L không còn đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con thì anh P có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Anh P phải chịu án phí theo qui định pháp luật. Chị L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Văn P

1. Về hôn nhân: anh Bùi Văn P được ly hôn với chị Phan Thị L .

2. Về con chung: Giao cho chị Phan Thị L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Bùi Cẩm N, sinh ngày 13/11/2008, Bùi Thị Lan A sinh ngày 19/12/2014 và Bùi Gia P2 sinh ngày 12/8/2022, đến thành niên hoặc tự lập được; anh Bùi Văn P không phải cấp dưỡng cho con.

Chị Phan Thị L phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi anh P đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Đối với Bùi Thị Cẩm V, sinh ngày 06/7/2005 đã trưởng thanh tự lập được nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Bùi Văn P phải chịu án phí hôn nhân, gia đình là 300.000 đồng, được trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011593 ngày 12/11/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (đã nộp đủ). Chị L không phải chịu án phí.

Đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND xã Tân Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Bích Tuyền